

1

nhận kết hôn số 24/2019 do Ủy ban nhân dân Phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/3/2019. Tuy nhiên sau khi đăng ký kết hôn thì ông và bà T không chung sống với nhau nhưng trước đó hai người có thời gian sống chung nhưng do chênh lệch về độ tuổi nên bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt và để ổn định cuộc sống của mỗi người nên ông yêu cầu ly hôn bà T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Bình V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phùng Thị Mỹ T vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án. Đồng thời cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T.

Tại phiên tòa,

Ông Võ Bình V vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn bà Phùng Thị Mỹ T vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 24/2019 do Ủy ban nhân dân Phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/3/2019 thể hiện hôn nhân giữa ông V và bà T là hợp pháp. Ông V và bà T hiện không còn sống chung với nhau. Bà T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, điều đó thể hiện bà T đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Vì vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, ông V yêu cầu ly hôn bà T là có căn cứ.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Bình V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Phùng Thị Mỹ T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến bằng văn bản xác nhận trong thời gian sống chung với ông V có con chung, tài sản chung và nợ chung hay không nên không ghi nhận được.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Bình V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Võ Bình V yêu cầu ly hôn bà Phùng Thị Mỹ T, Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Xét bà Phùng Thị Mỹ T có địa chỉ cư trú tại số 100/21 đường N, Phường K, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông V khởi kiện bà T tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét bị đơn bà Phùng Thị Mỹ T đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Như vậy, bà T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bà T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử dựa trên yêu cầu khởi kiện và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Võ Bình V cung cấp để xem xét giải quyết và Tòa án xét xử vắng mặt bà T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét quan hệ hôn nhân: Ông Võ Bình V và bà Phùng Thị Mỹ T tự nguyện đăng ký kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn số 24/2019 do Ủy ban nhân dân Phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/3/2019 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[5] Xét ông V và bà T chung sống với nhau không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn và để ổn định cuộc sống của mỗi người nên ông V yêu cầu ly hôn bà T. Đối với bà T trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà T đến trụ sở Tòa án để làm bản tự khai cũng như hòa giải nhưng bà T vắng mặt không lý do và cũng

không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của bà T. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông V ly hôn bà T.

[6] Xét quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Võ Bình V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với bà Phùng Thị Mỹ T trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà T đến trụ sở Tòa án để làm bản tự khai cũng như hòa giải nhưng bà T vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án xác nhận giữa bà T và ông V có con chung, tài sản chung và nợ chung hay không nên Hội đồng xét xử không ghi nhận ý kiến của bà T.

[7] Về án phí: Ông Võ Bình V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Bình V ly hôn bà Phùng Thị Mỹ T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Ông Võ Bình V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được căn trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0038346 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ông Võ Bình V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phùng Thị Mỹ T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15

(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường K, quận L;
- (Theo giấy CNKH số 24/2019 ngày 06/3/2019)
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Tuấn Nhu